



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 1: NHẬN BIẾT HÓA CHẤT/HỖN HỢP VÀ THÔNG TIN CÔNG TY/CÔNG VIỆC

- 1.1 Nhận biết sản phẩm**
Tên thương mại: Multichem A1c
Số tham chiếu: 04V0610
- 1.2 Các trường hợp thích hợp được dùng hóa chất hoặc hỗn hợp và các trường hợp chống chỉ định**
(Các) trường hợp được dùng: Thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm. Chỉ sử dụng cho mục đích chuyên môn.
- 1.3 Thông tin chi tiết nhà cung cấp bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất**
Thông tin công ty: Abbott GmbH & Co.KG
Max-Planck-Ring 2
65205 Wiesbaden
Đức
Điện thoại: (+49)-6122-58-0
E-Mail (người có thẩm quyền): qcsupport@technopathcd.com
- 1.4 Số điện thoại trong trường hợp khẩn cấp**
Số điện thoại trong trường hợp khẩn cấp: +353 (0) 61 525700

PHẦN 2: NHẬN BIẾT CÁC NGUY HẠI

- 2.1 Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp**
Quy định (EC) số 1272/2008 (CLP)
Chỉ thị 67/548/EEC & Chỉ thị 1999/45/EC
Không được phân loại là nguy hiểm khi cung cấp/sử dụng.
Không được phân loại là nguy hiểm khi cung cấp/sử dụng.
- 2.2 Thành phần nhân**
Không yêu cầu các biện pháp.
- 2.3 Nguy hại khác**
Chứa các vật liệu có nguồn gốc từ người.

PHẦN 3: HỢP PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- 3.2 Hỗn hợp**
Mô tả: Thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm. Dung dịch chứa nước. Các tế bào hồng cầu ở người ổn định với mức điều chỉnh các chất phân tích được xác định.
Các thành phần nguy hiểm: Sản phẩm không chứa khối lượng các thành phần nguy hiểm phải thông báo.
- 3.3 Thông tin bổ sung**
Mỗi đơn vị hiến tặng được sử dụng để pha chế vật liệu này đã được Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (Food and Drug Administration, FDA) Hoa Kỳ phê duyệt các phương pháp và được xác định là âm tính đối với các kháng thể HIV và HCV và không phản ứng với HBsAg.



T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU



- | | | |
|------------|---|---|
| 4.1 | Mô tả các biện pháp sơ cứu | |
| | Hít phải | Cung cấp không khí trong lành; tham vấn bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe. |
| | Tiếp xúc với da | Rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Cởi bỏ quần áo dính bẩn. |
| | Tiếp xúc với mắt | Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tham vấn bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe. |
| | Nuốt phải | Súc sạch miệng bằng nước. Tham vấn bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe. |
| 4.2 | Triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và mạn tính | Không có. |
| 4.3 | Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay và điều trị đặc biệt | Không có. |

PHẦN 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- | | | |
|------------|---|---|
| 5.1 | Phương tiện chữa cháy | |
| | Phương tiện chữa cháy phù hợp | CO ₂ , bột hoặc bụi nước. Dập tắt đám cháy lớn hơn bằng bụi nước hoặc bột chống cồn. |
| 5.2 | Các nguy hại đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp | Trong trường hợp xảy ra cháy, các chất sau có thể được giải phóng: Cacbon ôxit (COx), nitơ ôxit (NOx). |
| 5.3 | Chỉ dẫn cho lính cứu hỏa | Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với điều kiện môi trường xung quanh.
Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và đeo thiết bị thở độc lập (SCBA) khi chữa cháy. |

PHẦN 6: XỬ LÝ HÓA CHẤT XẢ RA BẤT NGỜ

- | | | |
|------------|--|---|
| 6.1 | Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp | Cách ly hóa chất đổ tràn và vệ sinh ngay.
Tham khảo Phần 8 về các biện pháp bảo vệ khi xử lý hóa chất đổ tràn. |
| 6.2 | Các biện pháp phòng ngừa về môi trường | Không xả thải hóa chất vào hệ thống cống, thoát nước hoặc dòng nước. |
| 6.3 | Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và vệ sinh | Thấm hút bằng vật liệu giữ chất lỏng (khăn giấy, cát, đất tảo cát, vữa axit, vữa thường, mùn cưa). Tiêu hủy vật liệu bị nhiễm bẩn như chất thải theo Phần 13. Làm sạch khu vực bằng Chlorox hoặc chất khử trùng khác. |
| 6.4 | Tham khảo các phần khác | 8, 13 |



T E C H N O P A T H


BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 7: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

- 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn** Phải xử lý sản phẩm này như một vật liệu truyền nhiễm tiềm ẩn, vì không có phương pháp thử nghiệm nào được biết đến có thể đảm bảo hoàn toàn rằng các sản phẩm từ vật liệu có nguồn gốc từ người sẽ không truyền các tác nhân lây nhiễm. Tham khảo Chỉ thị 2000/54/EC để biết thông tin về xử lý vật liệu nguy hiểm sinh học.
Tránh tiếp xúc với mắt, da và màng nhầy.
Đề xa tầm với của trẻ em.
Rửa sạch tay trước khi nghỉ giải lao và sau giờ làm việc.
Làm sạch khu vực bằng hypochlorite hoặc chất khử trùng khác.
- 7.2 Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm cả các điều kiện không tương thích** Bảo quản đông lạnh.
- 7.3 (Các) ứng dụng cụ thể** Sử dụng theo hướng dẫn sử dụng.

PHẦN 8: CÁC BIỆN PHÁP HẠN CHẾ TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 8.1 Các thông số kiểm soát**
- 8.1.1 Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp** Sản phẩm không chứa khối lượng hóa chất liên quan có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc.
- 8.2 Các biện pháp hạn chế tiếp xúc**
- 8.2.1 Kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Không thích hợp với hóa chất này.
- 8.2.2 Thiết bị bảo vệ cá nhân**
Bảo vệ mắt/mặt Kính bảo hộ được khuyến nghị. (EN166).
Bảo vệ tay Găng tay dùng một lần. (EN374).

Vật liệu găng tay: Latex/cao su thiên nhiên, Cao su nitrile.
Thời gian thấm thấu của vật liệu găng tay: Độ bền của găng tay không quan trọng khi sản phẩm được xử lý theo hướng dẫn sử dụng.
Bảo vệ cơ thể Áo khoác phòng thí nghiệm.
Bảo vệ hô hấp Thông thường không cần thiết.
- 8.2.3 Các biện pháp hạn chế tiếp xúc môi trường** Không cần các biện pháp đặc biệt.

PHẦN 9: CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

- 9.1 Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản**
- | | |
|---|------------------------------|
| Ngoại quan | Chất lỏng. |
| Màu sắc | Màu đỏ. |
| Mùi | Nhẹ. |
| Ngưỡng mùi (ppm) | Không được xác định. |
| pH (Giá trị) | Không được xác định. |
| Điểm nóng chảy (°C)/Điểm đóng băng (°C) | Tương tự nước, khoảng 0°C. |
| Điểm sôi/khoảng sôi (°C): | Tương tự nước, khoảng 100°C. |
| Điểm bắt cháy (°C) | Không áp dụng. |
| Tốc độ bay hơi (BA = 1) | Không được xác định. |
| Khả năng cháy (rắn, khí) | Không áp dụng. |
| Các khoảng giới hạn nổ | Không áp dụng. |



T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

Áp suất hơi (mm Hg)	Tương tự nước, khoảng 23 hPa.
Mật độ hơi (Không khí=1)	Không được xác định.
Mật độ (g/ml)	~ 1
Khả năng tan (Nước)	Tan hoàn toàn trong nước.
Khả năng tan (Dung môi khác)	Không được xác định.
Hệ số phân bố (n-Octanol/nước)	Không được xác định.
Nhiệt độ tự bốc cháy (°C)	Không được xác định.
Nhiệt độ phân hủy (°C)	Không được xác định.
Độ nhớt (mPa.s)	Không được xác định.
Đặc tính nổ	Không nổ.
Đặc tính ôxi hóa	Không ôxi hóa
9.2 Thông tin khác	Không có thông tin.

PHẦN 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

10.1 Khả năng phản ứng	Không được biết.
10.2 Tính ổn định hóa học	Sản phẩm ổn định theo các điều kiện bảo quản được khuyến nghị.
10.3 Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm	Không xảy ra polyme hóa nguy hiểm.
10.4 Điều kiện cần tránh	Không có.
10.5 Vật liệu không tương thích	Không được biết.
10.6 (Các) sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Không được biết.

PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc tính

11.1.2 Hỗn hợp

Độc tính cấp tính	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Ăn mòn/kích ứng da	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Tổn hại/kích ứng mắt nghiêm trọng	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Nhạy cảm hô hấp/da	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Đột biến tế bào mầm	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Khả năng gây ung thư	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Độc tính sinh sản	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
STOT-phơi nhiễm đơn lẻ	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
STOT-phơi nhiễm lặp lại	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Nguy hại hô hấp	Căn cứ theo dữ liệu có sẵn, không đáp ứng tiêu chí phân loại.

Các ảnh hưởng và triệu chứng đối với sức khỏe

Tiếp xúc với da	Không có các ảnh hưởng nguy hại đáng kể theo dự đoán.
Tiếp xúc với mắt	Không có các ảnh hưởng nguy hại đáng kể theo dự đoán.
Nuốt phải	Không có các ảnh hưởng nguy hại đáng kể theo dự đoán.

11.2 Thông tin khác

Không áp dụng.



T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 12: THÔNG TIN SINH THÁI HỌC

12.1	Độc tính	Sản phẩm không chứa khối lượng đáng kể các thành phần gây độc hại môi trường.
12.2	Độ bền và khả năng phân hủy	Sản phẩm dễ phân hủy sinh học.
12.3	Khả năng tích lũy sinh học	Không được dự đoán.
12.4	Tính lưu động trong đất	Sản phẩm được dự đoán có tính lưu động trong đất cao.
12.5	Kết quả đánh giá PBT và vPvB	Không áp dụng.
12.6	Các ảnh hưởng tiêu cực khác	Không áp dụng.

PHẦN 13: CÁC LƯU Ý TIÊU HỦY

13.1	Các biện pháp xử lý chất thải Sản phẩm:	Tiêu hủy chất thải tiềm ẩn nguy hiểm sinh học và tuân thủ các quy định chống ô nhiễm cũng như luật pháp khác của quốc gia sở tại. Để đảm bảo tuân thủ chúng tôi khuyến nghị bạn nên liên hệ với cơ quan hữu quan (địa phương) và/hoặc công ty xử lý chất thải được phê duyệt để biết thêm thông tin.
	Danh mục chất thải châu Âu:	18 01 03.
	Bao bì:	Công tác tiêu hủy cần tuân thủ theo luật định của địa phương, tiểu bang hoặc quốc gia. Phải tiêu hủy bao bì nhiễm bẩn theo cách thức giống như áp dụng cho sản phẩm. Có thể tái chế vật liệu bao bì không bị nhiễm bẩn. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ tại địa phương để biết thêm thông tin.

PHẦN 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

14.1	Mã số LHQ	Không áp dụng
14.2	Nhãn vận chuyển hợp lệ của LHQ	Không áp dụng
14.3	(Các) loại nguy hại khi vận chuyển	Không được phân loại là nguy hiểm khi vận chuyển.
14.4	Nhóm đóng gói	Không áp dụng
14.5	Nguy hại đối với môi trường	Không áp dụng
14.6	Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không áp dụng
14.7	Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II MARPOL73/78 và Bộ luật IBC	Không áp dụng

PHẦN 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

15.1	Các quy định/pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho hóa chất hoặc hỗn hợp	Chỉ thị 98/79/EC về thiết bị y tế chẩn đoán trong ống nghiệm.
15.2	Đánh giá an toàn hóa chất	Không áp dụng.



T E C H N O P A T H

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), Phụ lục II

PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC

CHÚ THÍCH

STOT Độc tính cơ quan đích cụ thể

Tài liệu tham khảo:

Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất cho vật liệu thô.

Thông tin bổ sung

Người lập: Tiến sĩ J. J. Tobin, ChemHaz Solutions, Email: info@chemhazsolutions.com

Theo sự hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, thông tin trong tài liệu này là hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp có tên trên đây hoặc các công ty con của nhà cung cấp không chịu trách nhiệm về tính chính xác hoặc hoàn chỉnh của thông tin được trình bày trong tài liệu này. Việc xác định sự phù hợp cuối cùng của vật liệu là trách nhiệm của người dùng. Mọi vật liệu đều có thể có những nguy hại chưa được biết đến và cần phải sử dụng thận trọng. Mặc dù các nguy hại nhất định đã được mô tả trong tài liệu này, chúng tôi không thể đảm bảo đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.